ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 305 /KH-UBND	*Đà Nẵng, ngày 16 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Hành động phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2030 tại thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 03/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tài liệu Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 7263/TTr-SYT ngày 12/6/2026, UBND thành phố ban hành Kế hoạch hành động phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2030 tại thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Giảm tỷ lệ mắc và tử vong do ung thư vú và ung thư cổ tử cung (UTV, UTCTC) thông qua tăng cường dự phòng, sàng lọc và phát hiện sớm.

- Nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt phụ nữ trong độ tuổi nguy cơ, về phòng bệnh và tầm soát định kỳ.

- Tăng cường tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo đảm quản lý, theo dõi liên tục.

- Củng cố năng lực hệ thống y tế các cấp trong dự phòng, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và quản lý bệnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát định hướng, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và phù hợp thực tiễn tại Đà Nẵng.

- Mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, khả thi, có lộ trình thực hiện rõ ràng.

- Triển khai đồng bộ, liên tục giữa các tuyến; lồng ghép với các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Đảm bảo công bằng trong tiếp cận dịch vụ, ưu tiên nhóm nguy cơ cao và đối tượng yếu thế.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, huy động nguồn lực và xã hội hóa.

- Thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và báo cáo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống UTV, UTCTC trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thông qua tăng cường các biện pháp dự phòng, mở rộng sàng lọc phát hiện sớm, nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị và quản lý người bệnh sau điều trị; góp phần giảm tỷ lệ mắc và tử vong, từng bước kiểm soát bền vững UTV và giảm gánh nặng UTCTC trong cộng đồng.

Góp phần thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống UTV, UTCTC đến năm 2035; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và hướng tới kiểm soát hiệu quả UTV, UTCTC trên địa bàn thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu: Phụ lục I kèm theo.

3. Lộ trình triển khai và các kết quả đầu ra mong đợi: Phụ lục II kèm theo.

3.1. Giai đoạn 2026 - 2027: Chuẩn bị, củng cố nền tảng và thí điểm mô hình

a) Mục tiêu trọng tâm: hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa chuyên môn, xây dựng nền tảng hệ thống và triển khai thí điểm các mô hình can thiệp.

b) Kết quả mong đợi

- Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn về phòng, chống UTV, UTCTC được rà soát, cập nhật, ban hành đồng bộ từ cấp thành phố đến cơ sở.

- Hình thành khung quản lý chương trình thống nhất toàn thành phố, quy định rõ đầu mối, trách nhiệm và cơ chế phối hợp liên ngành.

- Thiết lập nền tảng hệ thống dữ liệu ban đầu, từng bước tích hợp vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Thí điểm hệ thống quản lý danh sách đối tượng sàng lọc, nhắc lịch tái khám và theo dõi sau điều trị tại một số địa bàn.

c) Đầu ra chủ yếu

- Ban hành đầy đủ kế hoạch, quy trình chuyên môn, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của Đà Nẵng; bảo đảm thống nhất giữa các tuyến.

- 100% UBND các xã, phường, đặc khu xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai tại địa phương; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai 01 đến 02 mô hình điểm cấp thành phố có đánh giá hiệu quả (bao gồm chỉ số bao phủ, chi phí, hiệu quả, khả năng nhân rộng) làm cơ sở mở rộng giai đoạn sau: sàng lọc UTV tại cộng đồng (kết hợp khám lâm sàng - siêu âm - chuyển tuyến); sàng lọc UTCTC theo hướng ưu tiên xét nghiệm HPV tại cơ sở đủ điều kiện.

- Đào tạo đội ngũ giảng viên nòng cốt cấp thành phố; tổ chức tập huấn cho: ≥ 70% cán bộ y tế tuyến cơ sở về khám sàng lọc, phát hiện sớm; nhân lực chuyên sâu về chẩn đoán hình ảnh, tế bào học, soi cổ tử cung.

- Thí điểm triển khai: hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board) tại các bệnh viện tuyến thành phố; ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý ca bệnh và hỗ trợ hội chẩn từ xa.

- Xây dựng bộ tài liệu truyền thông chuẩn hóa; triển khai chiến dịch truyền thông bước đầu, ≥ 50% người dân trưởng thành được tiếp cận thông tin cơ bản.

3.2. Giai đoạn 2028 - 2029: Mở rộng, tích hợp và nâng cao chất lượng

a) Mục tiêu trọng tâm: Mở rộng quy mô triển khai, tăng độ bao phủ dịch vụ và tích hợp vào hệ thống y tế thường quy.

b) Kết quả mong đợi

- Các mô hình thí điểm được đánh giá hiệu quả và nhân rộng toàn thành phố.

- Dịch vụ sàng lọc trở thành hoạt động thường quy trong hệ thống y tế.

- Hệ thống dữ liệu được vận hành đồng bộ, liên thông giữa các tuyến.

- Triển khai đồng bộ hệ thống nhắc lịch sàng lọc và quản lý ca bệnh trên toàn thành phố.

c) Đầu ra chủ yếu

- Nhân rộng mô hình sàng lọc UTV, UTCTC ra ≥ 90% địa bàn xã, phường, đặc khu; bảo đảm: ≥ 50% phụ nữ 40 - 70 tuổi được sàng lọc UTV; ≥ 35% phụ nữ 30 - 49 tuổi được sàng lọc UTCTC.

- Triển khai rộng rãi các phương pháp sàng lọc phù hợp: HPV test (ưu tiên tại tuyến đủ năng lực); tế bào học, VIA tại tuyến cơ sở.

- Tăng cường năng lực chẩn đoán và điều trị: ≥ 80% cơ sở tuyến thành phố triển khai hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board) thường quy; ≥ 50% ca nghi ngờ được chẩn đoán xác định trong ≤ 60 ngày.

- Tích hợp hoạt động phòng, chống UTV, UTCTC vào Chương trình bệnh không lây nhiễm; chăm sóc sức khỏe sinh sản; hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân.

- Từng bước đưa dịch vụ sàng lọc vào cơ chế chi trả bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp.

- Mở rộng tiêm chủng HPV: ≥ 90% trẻ em gái 9 - 15 tuổi tại các địa phương được triển khai theo lộ trình của Bộ Y tế và khả năng bảo đảm nguồn lực của thành phố.

- Ứng dụng chuyển đổi số: ≥ 70% cơ sở y tế triển khai và sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu phòng, chống UTV, UTCTC kết nối với hệ thống thông tin y tế của thành phố; hình thành cơ sở dữ liệu bước đầu về sàng lọc, chẩn đoán, điều trị.

- Truyền thông nâng cao: ≥ 70% người trưởng thành được tiếp cận thông tin đầy đủ; giảm rõ rệt rào cản tâm lý, tăng tỷ lệ tự nguyện đi khám.

3.3. Năm 2030: Hoàn thiện, duy trì và ổn định cơ chế tài chính cho chương trình; bảo đảm lồng ghép hoạt động sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC vào nguồn chi thường xuyên của ngành y tế và các chương trình, đề án y tế có liên quan; đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp nhằm bảo đảm tính bền vững của chương trình.

a) Mục tiêu trọng tâm: đánh giá tổng thể, chuẩn hóa hệ thống và đảm bảo tính bền vững của chương trình.

b) Kết quả mong đợi

- Hệ thống phòng, chống UTV, UTCTC hoạt động ổn định, đồng bộ, hiệu quả trên toàn thành phố.

- Các chỉ tiêu cơ bản đạt theo kế hoạch giai đoạn.

- Dữ liệu được chuẩn hóa, phục vụ hoạch định chính sách dài hạn.

c) Đầu ra chủ yếu

- Đánh giá toàn diện kết quả thực hiện giai đoạn 2026 - 2030: đánh giá hiệu quả mô hình; phân tích dữ liệu dịch tễ, bao phủ dịch vụ, kết quả điều trị.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý chương trình: 100% xã, phường, đặc khu duy trì kế hoạch triển khai; cơ chế phối hợp liên ngành vận hành ổn định.

- Đạt các chỉ tiêu cốt lõi: ≥ 50% phụ nữ được sàng lọc UTV; ≥ 35% phụ nữ được sàng lọc UTCTC; ≥ 70% người bệnh được quản lý sau điều trị; ≥ 80% cơ sở tuyến thành phố thực hiện hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board); ≥ 70% dữ liệu được tích hợp vào hệ thống điện tử.

- Hoàn thiện hệ thống dữ liệu: đảm bảo liên thông giữa y tế cơ sở, bệnh viện và hệ thống ghi nhận ung thư; tích hợp, đồng bộ với hồ sơ sức khỏe điện tử theo mã định danh cá nhân.

- Đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo (2031 - 2035): mở rộng bao phủ; nâng cao chất lượng điều trị; tiến tới mục tiêu giảm tử vong bền vững và kiểm soát UTCTC.

3.4. Định hướng xuyên suốt toàn giai đoạn 2026 - 2030

a) Lấy y tế cơ sở làm nền tảng, bệnh viện tuyến trên làm trung tâm chuyên sâu.

b) Ưu tiên dự phòng - phát hiện sớm - quản lý liên tục.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, sàng lọc và hỗ trợ chẩn đoán.

d) Kết hợp nguồn lực nhà nước - xã hội hóa - hợp tác quốc tế.

đ) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ, đặc biệt với nhóm yếu thế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về chính sách và tài chính

a) Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu, nguồn xã hội hóa và hợp tác công tư; ưu tiên bố trí kinh phí cho hoạt động dự phòng, truyền thông và sàng lọc phát hiện sớm và điều trị UTV, UTCTC tại địa phương.

b) Khuyến khích mở rộng triển khai các phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng chăm sóc sức khoẻ liên quan đến hoạt động phòng UTV, UTCTC.

c) Lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, sàng lọc và điều trị tiền UTCTC vào các chính sách về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ (khám sức khỏe định kỳ; Chương trình mục tiêu quốc gia; Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe phụ nữ…).

d) Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo và nhóm yếu thế thông qua các chương trình, dự án và nguồn vận động xã hội.

2. Về truyền thông, vận động và giáo dục sức khỏe

a) Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dự phòng và sàng lọc UTV, UTCTC; nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt phụ nữ trong độ tuổi nguy cơ.

b) Đa dạng hóa hình thức truyền thông, kết hợp truyền thông đại chúng, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng và truyền thông số; phát triển các sản phẩm truyền thông phù hợp với đặc thù đô thị của Đà Nẵng; tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông của thành phố xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm và các sản phẩm truyền thông đa phương tiện về phòng, chống UTV, UTCTC; truyền thông về lợi ích sàng lọc phát hiện sớm, tiêm chủng vắc-xin HPV và các chính sách liên quan nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân.

c) Xây dựng thông điệp truyền thông theo hướng dự phòng chủ động: lối sống lành mạnh, tiêm vắc-xin HPV, khám định kỳ; đồng thời giảm rào cản tâm lý, kỳ thị trong tiếp cận dịch vụ.

d) Tổ chức các chiến dịch truyền thông lồng ghép với chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, bệnh không lây nhiễm; phối hợp ngành giáo dục trong truyền thông tiêm chủng HPV.

đ) Đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng số và hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường truyền thông định kỳ gắn với nhắc lịch sàng lọc, tư vấn tiêm chủng HPV và phổ biến quyền lợi bảo hiểm y tế trong khám, sàng lọc và điều trị theo quy định.

e) Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, mạng lưới cộng tác viên y tế; nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ y tế cơ sở.

g) Tăng cường truyền thông gắn với nhắc lịch sàng lọc định kỳ; khuyến khích người dân chủ động tham gia và duy trì khám, sàng lọc theo khuyến cáo.

3. Về nhân lực và nâng cao năng lực

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ y tế các tuyến theo hướng chuẩn hóa, phù hợp với hướng dẫn của Bộ Y tế; chú trọng năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và chuyển tuyến.

b) Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên sâu về chẩn đoán hình ảnh, giải phẫu bệnh, tế bào học, soi cổ tử cung và điều trị tổn thương sớm.

c) Tăng cường chuyển giao kỹ thuật từ tuyến thành phố xuống tuyến cơ sở; triển khai đào tạo theo hình thức "cầm tay chỉ việc", đào tạo theo kíp.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khám chữa bệnh từ xa, hội chẩn từ xa nhằm hỗ trợ chuyên môn giữa các tuyến.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá năng lực sau đào tạo; bảo đảm tuân thủ quy trình kỹ thuật và hướng dẫn chuyên môn.

e) Tăng cường phối hợp giữa y tế dự phòng và y tế điều trị trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và quản lý liên tục người bệnh từ sàng lọc đến điều trị và theo dõi.

g) Nâng cao năng lực triển khai hoạt động sàng lọc tại cộng đồng, đặc biệt tại tuyến y tế cơ sở, góp phần tăng tỷ lệ bao phủ sàng lọc.

4. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

a) Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế theo lộ trình phù hợp; ưu tiên tăng cường năng lực cho tuyến y tế cơ sở.

b) Trang bị thiết bị cần thiết phục vụ sàng lọc và chẩn đoán như: máy X-quang vú, siêu âm, thiết bị sinh thiết, xét nghiệm HPV, soi cổ tử cung.

c) Bảo đảm cung ứng đầy đủ vật tư, sinh phẩm, thuốc; duy trì bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.

d) Tăng cường năng lực cho các cơ sở chuyên khoa ung bướu, sản phụ khoa tại tuyến thành phố; phát triển dịch vụ điều trị và chăm sóc giảm nhẹ.

5. Về chuyên môn kỹ thuật, khoa học công nghệ và chuyển đổi số

a) Cập nhật, triển khai các hướng dẫn chuyên môn trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và quản lý sau điều trị theo hướng chuẩn hóa, dựa trên bằng chứng.

b) Triển khai mô hình hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board) tại các cơ sở điều trị tuyến thành phố; từng bước đưa vào hoạt động thường quy.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý dữ liệu, hỗ trợ chẩn đoán, hội chẩn từ xa; từng bước nghiên cứu ứng dụng AI phù hợp.

d) Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý dữ liệu về phòng, chống UTV, UTCTC; tích hợp với hồ sơ sức khỏe điện tử.

đ) Triển khai các mô hình điểm về sàng lọc, chẩn đoán và quản lý dữ liệu; đánh giá hiệu quả để nhân rộng.

e) Áp dụng linh hoạt các phương pháp sàng lọc phù hợp với năng lực từng tuyến (HPV, tế bào học, VIA…); ưu tiên kỹ thuật có hiệu quả cao. Nghiên cứu, thí điểm triển khai phương pháp tự lấy mẫu xét nghiệm HPV trong sàng lọc ung thư cổ tử cung tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

g) Tăng cường hợp tác, nghiên cứu khoa học, từng bước ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn.

h) Xây dựng và chuẩn hóa quy trình chuyển tuyến, phản hồi thông tin giữa các tuyến; bảo đảm người bệnh được chẩn đoán, điều trị và theo dõi liên tục.

i) Ứng dụng CNTT trong quản lý danh sách đối tượng sàng lọc; triển khai hệ thống nhắc lịch khám, tái khám, theo dõi điều trị và quản lý ca bệnh sau sàng lọc.

k) Triển khai tiêm chủng vắc-xin HPV theo lộ trình của Bộ Y tế, phù hợp điều kiện thực tế của thành phố; tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về lợi ích của tiêm chủng; phối hợp triển khai tại trường học khi đủ điều kiện; khuyến khích người dân tiếp cận dịch vụ tiêm chủng HPV; hỗ trợ tiếp cận cho nhóm đối tượng khó khăn.

6. Về hệ thống thông tin, giám sát và đánh giá

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, giám sát chương trình theo hướng liên thông, tích hợp dữ liệu.

b) Chuẩn hóa bộ chỉ số theo dõi; tổ chức thu thập, phân tích và báo cáo định kỳ phục vụ quản lý.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, báo cáo; nâng cao năng lực cho cán bộ thống kê.

d) Tổ chức giám sát, đánh giá định kỳ; kịp thời điều chỉnh hoạt động.

đ) Kết nối hệ thống ghi nhận ung thư với hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản; bảo đảm chia sẻ dữ liệu giữa các tuyến.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia; Quỹ bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa, nguồn viện trợ, tài trợ hợp pháp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ triển khai các hoạt động của Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu huy động nguồn lực, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc (Bệnh viện, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế khu vực và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu) triển khai đồng bộ các hoạt động truyền thông, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và quản lý người bệnh.

c) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp trong công tác truyền thông, vận động cộng đồng tham gia sàng lọc phát hiện sớm.

d) Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế các tuyến.

đ) Theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND thành phố và Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan, hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong công tác sàng lọc, chẩn đoán và quản lý UTV, UTCTC.

b) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu, giám sát và đánh giá chương trình.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối hằng năm.

b) Hướng dẫn các địa phương bố trí ngân sách và lồng ghép nguồn lực để triển khai các hoạt động phòng, chống UTV, UTCTC.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với Sở Y tế triển khai tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe nâng cao nhận thức cho giáo viên, học sinh và phụ huynh về phòng, chống UTV, UTCTC và sức khỏe sinh sản trong trường học.

b) Lồng ghép nội dung tư vấn lợi ích tiêm vắc-xin HPV cho phụ huynh và học sinh phù hợp với từng cấp học, góp phần nâng cao tỷ lệ bao phủ tiêm chủng.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh truyền thông về phòng, chống UTV, UTCTC nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân; giảm kỳ thị, tăng chủ động dự phòng, khám định kỳ và tuân thủ điều trị.

6. Bảo hiểm xã hội thành phố

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm từng bước mở rộng khả năng tiếp cận và thanh toán bảo hiểm y tế đối với các dịch vụ liên quan đến sàng lọc, phát hiện sớm UTV, UTCTC theo quy định.

7. Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng

Phối hợp với Sở Y tế đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng, chống UTV, UTCTC góp phần đạt được mục tiêu phòng, chống UTV, UTCTC vào năm 2030.

8. UBND các xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ Kế hoạch của thành phố, chỉ đạo xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai tại địa phương; lồng ghép mục tiêu phòng, chống UTV, UTCTC vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.

b) Phối hợp với Sở Y tế đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng, chống UTV, UTCTC.

c) Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương; tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

d) Chỉ đạo Trạm Y tế và các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương phối hợp triển khai hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch.

9. Đề nghị Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng

Phối hợp cùng Sở Y tế lồng ghép, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống UTV, UTCTC đến các đối tượng thành viên nhằm tác động thay đổi nhận thức, thái độ hành vi góp phần phòng, chống UTV, UTCTC trên phạm vi toàn thành phố.

10. Đề nghị các tổ chức Hội, đoàn thể chính trị - xã hội thành phố

a) Phối hợp cùng Sở Y tế và các cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền, vận động chính sách, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống UTV, UTCTC. Thúc đẩy các mô hình hỗ trợ người bệnh, chăm sóc cộng đồng, và huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động sàng lọc và điều trị.

b) Phối hợp với Sở Y tế tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ tham gia sàng lọc định kỳ; lồng ghép nội dung phòng, chống UTV, UTCTC vào sinh hoạt Hội và mạng lưới cộng tác viên tại cơ sở.

c) Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức về lối sống lành mạnh, phòng bệnh và lợi ích tiêm vắc-xin HPV cho thanh thiếu niên; ứng dụng nền tảng số trong truyền thông, hỗ trợ các chiến dịch truyền thông về tiêm chủng.

11. Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan

Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai Kế hoạch này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch hành động phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, UBND các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo UBND thành phố (qua Sở Y tế) để xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế (để b/c);
- TT Thành ủy, TT HĐND TP (để b/c);
- BTV Đảng ủy UBND TP (để b/c);
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- PCT Nguyễn Thị Anh Thi;
- Ủy ban MTTQVNTP;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, SYT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Tuấn

Phụ lục I

CHỈ TIÊU PHÒNG, CHỐNG UNG THƯ VÚ VÀ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG GIAI ĐOẠN NĂM 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 305/ KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

	Chỉ tiêu	Đến năm 2030
Mục tiêu cụ thể 1: **Hoàn thiện cơ chế chính sách và hướng dẫn chuyên môn, tăng cường hiệu quả quản lý chương trình phòng, chống UTV, UTCTC; bảo đảm hình thành hệ thống quản lý chương trình thống nhất, xuyên suốt**.		
a	Thành phố ban hành Kế hoạch hành động phòng, chống UTV, UTCTC giai đoạn 2026 - 2030	Hoàn thành
b	UBND các xã, phường, đặc khu xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động của địa phương về phòng, chống UTV, UTCTC giai đoạn 2026 - 2030 tại địa phương	100%
Mục tiêu cụ thể 2: **Nâng cao hiệu quả dự phòng cấp ban đầu và cấp I; tăng cường truyền thông, thay đổi hành vi và mở rộng tiếp cận các biện pháp dự phòng đối với UTV và UTCTC, góp phần giảm tỷ lệ mắc mới ung thư cổ tử cung thông qua mở rộng tiêm vắc-xin HPV và sàng lọc định kỳ.**		
Chỉ tiêu chung		
a	Người trưởng thành được tiếp cận thông tin về UTV, UTCTC (nguy cơ, dấu hiệu, phương pháp dự phòng, sàng lọc) qua các kênh phổ biến, hiện đại	70%
b	Thành phố triển khai chương trình truyền thông về UTV, UTCTC thường xuyên, có trọng tâm, phù hợp đặc thù vùng miền	90%
Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC		
	Trẻ em gái 9 - 15 tuổi được tiêm đủ liều vắc xin HPV tại các địa bàn triển khai theo Kế hoạch thực hiện Lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Y tế	90%
Mục tiêu cụ thể 3: **Tăng độ bao phủ sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC theo hướng có hệ thống, bền vững, nhằm giảm tỷ lệ mắc, tử vong và cải thiện tỷ lệ sống thêm.**		
Chỉ tiêu chung		

a	Tỷ lệ cơ sở y tế trên địa bàn triển khai hoạt động sàng lọc UTV, UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn	90%
Chỉ tiêu riêng đối với UTV		
b	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu (từ 40 - 70 tuổi) được khám và sàng lọc định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn	50%
c	Tỷ lệ phụ nữ có dấu hiệu nghi ngờ hoặc kết quả sàng lọc bất thường được chẩn đoán xác định trong vòng ≤ 60 ngày kể từ lần khám đầu tiên	50%
Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC		
d	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi 30 - 49 được sàng lọc ung thư cổ tử cung bằng phương pháp xét nghiệm hiệu năng cao* theo hướng dẫn chuyên môn và được xét nghiệm lại trước 45 tuổi	35%
Mục tiêu cụ thể 4: **Đảm bảo chất lượng điều trị, chăm sóc liên tục, toàn diện và nhân văn đối với UTV và UTCTC.**		
Chỉ tiêu chung		
a	Tỷ lệ cơ sở điều trị tuyến thành phố trở lên thực hiện hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board) và áp dụng phác đồ điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	80%
b	Tỷ lệ người bệnh được theo dõi và tái khám định kỳ, quản lý lâu dài sau điều trị theo tiêu chuẩn chuyên môn	70%
c	Tỷ lệ nhân viên y tế tuyến cơ sở được đào tạo về khám sàng lọc, nhận biết dấu hiệu nghi ngờ, tổn thương tiền ung thư và chuyển tuyến đúng quy trình	80%
d	Tỷ lệ cơ sở y tế có chức năng sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC áp dụng phác đồ và hướng dẫn chuyên môn cập nhật	80%
Chỉ tiêu riêng đối với UTV		
e	Tỷ lệ trường hợp UTV xâm lấn được phát hiện ở giai đoạn sớm (giai đoạn I - II)	40%
g	Tỷ lệ người bệnh UTV được điều trị đa mô thức; chăm sóc toàn diện và hoàn thành liệu trình điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	60%
Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC		
h	Tỷ lệ phụ nữ được chẩn đoán tổn thương tiền ung thư hoặc UTCTC xâm lấn được phát hiện, xử trí đúng theo hướng dẫn chuyên môn	80%

Mục tiêu cụ thể 5: **Đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững và công bằng trong tiếp cận dịch vụ.**		
a	Tỷ lệ địa phương bố trí kinh phí triển khai hoạt động phòng, chống UTV, UTCTC hằng năm	80%
b	Tỷ lệ chương trình khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ có lồng ghép sàng lọc UTV, UTCTC	80%
Mục tiêu cụ thể 6: **Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, và giám sát chương trình phòng, chống UTV, UTCTC.**		
a	Tỷ lệ xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thông tin y tế theo hướng kết nối, liên thông, tích hợp dữ liệu	100%
b	Tỷ lệ hồ sơ sức khỏe điện tử của phụ nữ có tích hợp dữ liệu tiêm phòng HPV, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC	70%
c	Tỷ lệ nhân viên y tế tham gia cung cấp dịch vụ phòng, chống UTV, UTCTC sử dụng Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản	70%
d	Tỷ lệ các trường hợp UTV, UTCTC mới phát hiện được ghi nhận và theo dõi trên Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản và kết nối với Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư	70%

***** *Xét nghiệm hiệu năng cao: ưu tiên xét nghiệm HPV nguy cơ cao (DNA HPV test); trong điều kiện chưa đáp ứng có thể sử dụng tế bào học cổ tử cung (Pap smear) hoặc VIA theo hướng dẫn của Bộ Y tế.*

Phụ lục II

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG UNG THƯ VÚ VÀ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 305 /KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I. Giai đoạn 2026 - 2027: Chuẩn bị, củng cố nền tảng và thí điểm mô hình					
1	Rà soát, đánh giá thực trạng công tác phòng, chống UTV, UTCTC; khảo sát nhu cầu, năng lực triển khai tại các tuyến y tế trên địa bàn thành phố	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC thành phố)	Các cơ sở y tế	2026
2	Tham mưu UBND thành phố ban hành Kế hoạch hành động phòng, chống UTV, UTCTC giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố	Sở Y tế	CDC thành phố	Các sở, ban, ngành liên quan	2026
3	Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phòng, chống UTV, UTCTC trên địa bàn thành phố	Sở Y tế	Sở Y tế	CDC thành phố; Các cơ sở y tế; UBND các xã, phường, đặc khu, các ban, ngành liên quan	2026
4	Xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động phòng, chống UTV, UTCTC hằng năm phù hợp tình hình thực tế	Sở Y tế	CDC thành phố	Các cơ sở y tế	Hằng năm
5	Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống UTV,	UBND	UBND	Trạm Y tế xã,	Hằng năm

	UTCTC tại địa phương; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	các xã, phường, đặc khu	các xã, phường, đặc khu	phường, đặc khu; Các đơn vị liên quan	
6	Rà soát, cập nhật hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật về sàng lọc, phát hiện, chẩn đoán, điều trị và quản lý UTV, UTCTC phù hợp với quy định Bộ Y tế và tình hình địa phương	Sở Y tế	CDC thành phố	Các cơ sở y tế	Hằng năm
7	Củng cố mạng lưới cán bộ phụ trách chương trình tại các tuyến; phân công đầu mối theo dõi, tổng hợp và báo cáo	Sở Y tế	CDC thành phố	Các cơ sở y tế; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
8	Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ y tế tuyến cơ sở về khám sàng lọc, phát hiện sớm, chuyển tuyến và quản lý người bệnh	Sở Y tế	CDC thành phố	Các cơ sở y tế; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
9	Đào tạo chuyên sâu về chẩn đoán hình ảnh, tế bào học, xét nghiệm HPV, soi cổ tử cung và điều trị tổn thương tiền ung thư và triển khai hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board)	Sở Y tế	Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	CDC thành phố; các bệnh viện tuyến thành phố	2026 - 2027
10	Triển khai hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng bệnh và khám sàng lọc định kỳ	Sở Y tế	CDC thành phố	Các sở, ban, ngành; hội, đoàn thể; cơ quan truyền thông; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
11	Thiết lập hệ thống thu thập, quản lý dữ liệu và báo cáo hoạt động chương trình; từng bước ứng dụng công nghệ	Sở Y tế	CDC	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ	2026 - 2027

	thông tin trong quản lý		thành phố	sở y tế	
12	Triển khai mô hình điểm sàng lọc UTV, UTCTC tại cộng đồng; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thí điểm và đề xuất giải pháp mở rộng mô hình	Sở Y tế	CDC thành phố	Các cơ sở y tế; UBND các xã, phường, đặc khu	2027
II. Giai đoạn 2028 - 2029: Mở rộng, tích hợp và nâng cao chất lượng					
13	Mở rộng triển khai hoạt động sàng lọc, phát hiện sớm UTV và UTCTC tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố	Sở Y tế	Sở Y tế	CDC thành phố; Bệnh viện chuyên khoa; Các cơ sở y tế	2028 - 2029
14	Lồng ghép hoạt động phòng, chống UTV, UTCTC vào các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số và bệnh không lây nhiễm	Sở Y tế	Sở Y tế	CDC thành phố; các cơ sở y tế	2028 - 2029
15	Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại và nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế về sàng lọc, chẩn đoán sớm, quản lý và theo dõi người bệnh	Sở Y tế	Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	CDC thành phố; Các cơ sở y tế	2028 - 2029
16	Duy trì và mở rộng hoạt động truyền thông thay đổi hành vi; nâng cao nhận thức cộng đồng và tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia khám, sàng lọc định kỳ	Sở Y tế	CDC thành phố	Các sở, ban, ngành; hội, đoàn thể; cơ quan truyền thông; UBND các xã, phường, đặc khu; Các cơ sở y tế	2028 - 2029
17	Tăng cường triển khai xét nghiệm HPV theo hướng ưu tiên tại cơ sở đủ điều kiện; mở rộng các phương pháp	Sở Y tế	Các cơ sở y tế	Bệnh viện chuyên khoa	2028 - 2029

	sàng lọc phù hợp theo năng lực từng tuyến		(TTYT khu vực)		
18	Mở rộng triển khai tiêm chủng vắc-xin HPV theo hướng dẫn của Bộ Y tế và khả năng đảm bảo nguồn lực của địa phương	Sở Y tế	CDC thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu; các đơn vị liên quan; CDC thành phố; Các cơ sở y tế	2028 - 2029
19	Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu phòng, chống UTV, UTCTC; kết nối với hồ sơ sức khỏe điện tử và hệ thống ghi nhận ung thư	Sở Y tế	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; CDC thành phố; Các cơ sở y tế	2028 - 2029
20	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hội chẩn từ xa và chuyển đổi số trong quản lý, giám sát và theo dõi chương trình	Sở Y tế	Sở Y tế	Bệnh viện chuyên khoa; CDC thành phố; Các cơ sở y tế	2028 - 2029
21	Huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể, cơ sở y tế ngoài công lập và các nguồn lực xã hội hóa trong triển khai chương trình	Sở Y tế	Sở Y tế	BHXH thành phố; Các sở, ban ngành; tổ chức liên quan	2028 - 2029
22	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ kết quả triển khai Kế hoạch; tổng hợp báo cáo UBND thành phố và Bộ Y tế theo quy định	Sở Y tế	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; CDC thành phố; UBND các xã, phường, đặc khu	Hằng năm
III. Năm 2030: Hoàn thiện, duy trì và ổn định cơ chế tài chính cho chương trình; bảo đảm lồng ghép hoạt động sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC vào nguồn chi thường xuyên của ngành y tế và các chương trình, đề án y tế có liên quan; đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp nhằm bảo đảm tính bền vững của chương trình					

23	Hoàn thiện cơ chế quản lý, điều phối, giám sát và duy trì hoạt động chương trình tại các tuyến y tế	Sở Y tế	Sở Y tế	CDC thành phố; các cơ sở y tế	2030
24	Xây dựng và duy trì cơ chế huy động nguồn lực hợp pháp; đẩy mạnh xã hội hóa nhằm bảo đảm tính bền vững của chương trình	Sở Y tế	Sở Y tế	Sở Tài chính; Các sở, ban ngành; tổ chức liên quan	2030
25	Lồng ghép hoạt động sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC vào nguồn chi thường xuyên của ngành y tế và các chương trình, đề án y tế liên quan	Sở Y tế	Sở Y tế	Sở Tài chính; Các đơn vị liên quan	2030
26	Duy trì hoạt động sàng lọc, phát hiện sớm UTV, UTCTC như hoạt động thường quy tại các cơ sở y tế	Sở Y tế	Các cơ sở y tế; Bệnh viện	CDC thành phố	2030
27	Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ sàng lọc, quản lý, theo dõi và chuyển tuyến người bệnh	Sở Y tế	Sở Y tế	CDC thành phố; Các cơ sở y tế	2030
28	Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu, báo cáo, theo dõi và đánh giá chương trình bằng ứng dụng công nghệ thông tin	Sở Y tế	CDC thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ sở y tế	2030
29	Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch hành động phòng, chống UTV, UTCTC giai đoạn 2026 - 2030	Sở Y tế	Sở Y tế	CDC thành phố; Các cơ sở y tế; Các đơn vị liên quan	2030
30	Đề xuất định hướng, mục tiêu và giải pháp triển khai chương trình giai đoạn tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của thành phố	Sở Y tế	Sở Y tế	CDC thành phố; Các cơ sở y tế; Các đơn vị liên quan	2030